BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP TRÀ BẮC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚCTẠI CTCP TRÀ BẮC

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703 Fax: (84-4) 6278 0136

Chi nhánh khu vực phía Nam

Địa chỉ: 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 3933 3818 Fax: (84-8) 3933 3822

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CTCP TRÀ BẮC

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, Phường 4, Tp.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (84-074) 3852 523 Fax: (84-074) 3854 857

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6699 Fax: (84-4) 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Central Park, 117 Nguyễn Du, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 6290 6296 Fax: (84-8) 6290 6399

Trà Vinh, tháng 08 năm 2016

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1.	**Thông tin về tổ chức phát hành**		
-	Tên công ty	:	**Công ty Cổ phần Trà Bắc**
-	Địa chỉ	:	216 Bạch Đằng, Phường 4, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
-	Vốn điều lệ	:	**70.958.760.000 đồng (**Bảy mươi tỷ chín trăm năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng**)**
-	Tổng số cổ phần	:	**7.095.876** cổ phần
-	Mệnh giá	:	**10.000 đồng/cổ phần**
-	Ngành nghề kinh doanh	:	• Thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa; Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm : than hoạt tính, xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô… và các sản phẩm khác; Nhập khẩu các thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến; Hoạt động thương mại, dịch vụ khác.
2.	**Thông tin về đợt chào bán**		
-	Tổ chức chào bán cổ phần	:	**Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
-	Tên cổ phần chào bán	:	Cổ phần Công ty Cổ phần Trà Bắc
-	Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
-	Tổng số lượng chào bán	:	**3.241.056** cổ phần (chiếm tỷ lệ **45,68%** vốn điều lệ)
-	Phương thức chào bán	:	Bán đấu giá nguyên lô
-	Chuyển quyền sở hữu	:	Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

3.	**Tổ chức Tư vấn bán đấu giá**
	CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG **Trụ sở chính** Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 37726699 Fax: (84-4) 37726763 Website: ocs.com.vn **Chi nhánh Sài Gòn** Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Central Park, Số 117 Nguyễn Du, Quận 1, TPHCM Điện thoại: (84-8) 62906296 Fax: (84-8) 62906399

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 5
1. Rủi ro về kinh tế 6
1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế 6
1.2 Rủi ro lạm phát 7
1.3 Rủi ro lãi suất 8
2. Rủi ro về luật pháp 9
3. Rủi ro cạnh tranh 9
4. Rủi ro của đợt chào bán 9
5. Rủi ro khác 9
III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 10
1. Tổ chức phát hành 10
2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá 10
IV. CÁC KHÁI NIỆM 11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 12
1.1. Quá trình hình thành và phát triển 12
1.2. Giới thiệu về Công ty 12
1.3. Cơ cấu vốn cổ phần 13
1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty 14
1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con mà tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 14
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 15
4. Hoạt động kinh doanh 21
4.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu 21
4.2. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết 21
4.3. Cơ cấu doanh thu 23
4.4. Cơ cấu chi phí 24
4.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng . 25
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất 26

5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm 26
5.2. Phân tích SWOT 27
6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành 28
6.1. Triển vọng phát triển của ngành 28
6.2. Triển vọng Công ty 29
7. Chính sách đối với người lao động 29
7.1 Cơ cấu lao động tại 30/06/2016 29
7.2 Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi 30
7.3 Chính sách đào tạo và tuyển dụng 30
8. Chính sách cổ tức 30
9. Tình hình tài chính 31
9.1. Các chỉ tiêu cơ bản 31
9.1.1 Trích khấu hao TSCĐ 31
9.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn 31
9.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định 31
9.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định 32
9.1.5 Tình hình công nợ 32
9.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 33
10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, Ban kiểm soát 35
10.1. Hội đồng quản trị 35
10.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 38
10.3. Ban kiểm soát 39
11. Tài sản 41
12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty: 43
VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN 44
1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá 44
2. Mục đích của việc chào bán 45
3. Địa điểm công bố thông tin 45
4. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan 45
4.1. Đối tượng tham gia đấu giá 45
4.2. Điều kiện tham gia đấu giá 46

5. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá 46
6. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá 46
6.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là: 46
6.2. Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định. 47
7. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần 47
VII. THAY LỜI KẾT 48

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/06/2016 13
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty 14
Bảng 3: Danh sách hợp đồng 21
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm 23
Bảng 5: Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu của Công ty 23
Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm 24
Bảng 7: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 26
Bảng 8: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 30/06/2016 29
Bảng 9: Tỷ lệ cổ tức các năm vừa qua 31
Bảng 10: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty 31
Bảng 11: Số dư các quỹ của Công ty 32
Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty 32
Bảng 13: Các khoản phải trả của Công ty 33
Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 34
Bảng 15: Danh sách thành viên HĐQT của Công ty 35
Bảng 16: Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng 38
Bảng 17: Danh sách Ban kiểm soát của Công ty 39
Bảng 18: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/06/2016 của Công ty 41
Bảng 19: Tình hình quản lý và sử dụng đất đai của Công ty 42

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Biểu đồ 1: Chỉ số giá tiêu dùng từ đầu năm 2016 8
Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty 24
Biểu đồ 3: Cơ cấu chi phí 25
Biểu đồ 4: Kết quả kinh doanh của Công ty 27
Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty 21

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh Doanh vốn Nhà nước;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 11/04/2014 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc Ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-ĐTKDV ngày 24/08/2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) v/v bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Trà Bắc;
- Căn cứ Hợp đồng số 21/2014/HĐTV-SG ngày 16/06/2014 ký giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty CP Chứng khoán Đại Dương – Chi nhánh Sài Gòn về tổ chức đấu giá cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Trà Bắc.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Từ năm 2002-2007 nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá ổn định và đều đặn. Sang năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam cũng bị tác động đáng kể, năm 2008 tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,23% thấp hơn so với kế hoạch đặt ra.

Tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế từ những năm trước, năm 2012 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn. Điều này được thể hiện rõ nhất ở tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2012 chỉ đạt 5,03%, thấp nhất trong các năm từ 2009 trở lại đây, và thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu 6,5% mà Chính phủ đề ra.

Cũng như các nền kinh tế đang phát triển trên thế giới, Kinh tế Việt Nam đã từng bước vượt qua khủng hoảng môi trường kinh tế vĩ mô từng bước ổn định và chuyển biến tích cực, lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiềm chế và các chính sách quản lý tiền tệ được thực hiện một cách hiệu quả, tốc độ tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện bền vững. Từ năm 2013 tốc độ tăng trưởng GDP đã liên tục hoàn thành mục tiêu với tốc độ tăng trưởng GDP các năm 2013, 2014 lần lượt là 5,42% và 5,98%.

Năm 2015, tốc độ tăng GDP đạt mức cao nhất trong 8 năm qua, ước cả năm tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,68%, cùng với dấu hiệu cải thiện và phục hồi sản xuất của nhiều ngành kinh tế đã cho phép các chuyên gia có những cái nhìn lạc quan đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm tiếp theo. Một số kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội trong năm 2015 như sau:

- Lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2015 tăng 0,6% so với tháng 12/2014; bình quân cả năm 2015 tăng 0,63%. Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp, nhưng không có biểu hiện giảm phát. Tiêu dùng trong nước, sức mua và tổng cầu đã tăng khá mạnh; tăng trưởng kinh tế cao nhất trong vòng 8 năm qua. Lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2015 tăng 2,05% so với năm trước.
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 đạt mức cao nhất trong 8 năm qua: tốc độ tăng GDP có xu hướng tăng nhanh sau từng Quý (Quý 1 tăng 6,12%; Quý 2 tăng 6,47%; Quý 3 tăng 6,87% và Quý 4 tăng 7,01%). Ước cả năm, tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,68%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008, cao hơn số đã báo

cáo Quốc hội (khoảng 6,5%) và cao hơn mục tiêu đề ra là 6,2%. Trong mức tăng 6,68% của toàn nền kinh tế, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, thấp hơn mức 3,44% của năm 2014; đóng góp 0,4 điểm phần trăm, Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn nhiều mức tăng 6,42% của năm trước, đóng góp 3,20 điểm phần trăm, trong đó ngành công nghiệp tăng 9,39% so với năm trước (công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,60%); ngành xây dựng tăng 10,82%, Khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 2,43 điểm phần trăm.

- Riêng về sản xuất công nghiệp: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 9,8% so với năm 2014, cao hơn nhiều mức tăng 5,9% của năm 2013 và 7,6% của năm 2014. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 6,5%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,4%.
- Về xuất nhập khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 162,44 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2014; tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2014; nhập siêu khoảng 3,17 tỷ USD, bằng khoảng 2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2015 ước tính đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 98 tỷ USD, tăng 16,4%; khu vực kinh tế trong nước đạt 67,6 tỷ USD, tăng 6,3%. Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm tới 91,3% tổng kim ngạch, tăng 0,2 điểm phần trăm so với năm 2014, còn lại là hàng tiêu dùng.
- Năm 2015, cả nước có 94.754 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 601.519 tỷ đồng; so với năm trước, tăng 26,6% về số doanh nghiệp và tăng 39,1% về số vốn đăng ký (so sánh 2014/2013: doanh nghiệp giảm 2,7%; vốn tăng 8,4%). Vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp đạt 6,3 tỷ đồng, tăng 9,9% so với năm trước. Có 21.506 doanh nghiệp trước đây gặp khó khăn ngừng hoạt động nay quay lại hoạt động, tăng 39,5% so với năm trước.

Năm 2015, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 1.367,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước và bằng 32,6% GDP. Vốn FDI thực hiện năm 2015 ước đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% so với năm 2014; vốn đăng ký ước đạt 22,76 tỷ USD, tăng 12,5%; số dự án cấp mới tăng 26,8%; số lượt dự án tăng thêm vốn tăng 37%.

5 tháng đầu năm 2016 chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 9,4% của cùng kỳ năm 2015[5]. Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%, đóng góp 6,8 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 1,2%, làm giảm 0,2 điểm phần trăm mức tăng chung

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây Việt Nam liên tục đứng trước sức ép của lạm phát gia tăng.

Tỷ lệ lạm phát không ổn định qua các năm, điển hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2003-2013 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Năm 2011 lạm phát tiếp tục lên hai con số và đạt mốc 18,13%, tuy nhiên với việc ban hành nhiều chính sách tích cực Chính phủ đã kiểm soát được lạm phát dưới mức 2 con số và đạt 6,04% trong năm 2013, đây là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua.

Năm 2014, tỷ lệ lạm phát có dấu hiệu chậm lại, chứng tỏ nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn phục hồi chậm. Sang năm 2015, chỉ số CPI tăng 0,63% so với cùng kỳ năm 2014. Điều này chứng tỏ sức mua của nền kinh tế vẫn đang sụt giảm và nền kinh tế vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Trà Bắc nói riêng.

Biểu đồ 1: Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng từ đầu năm 2016

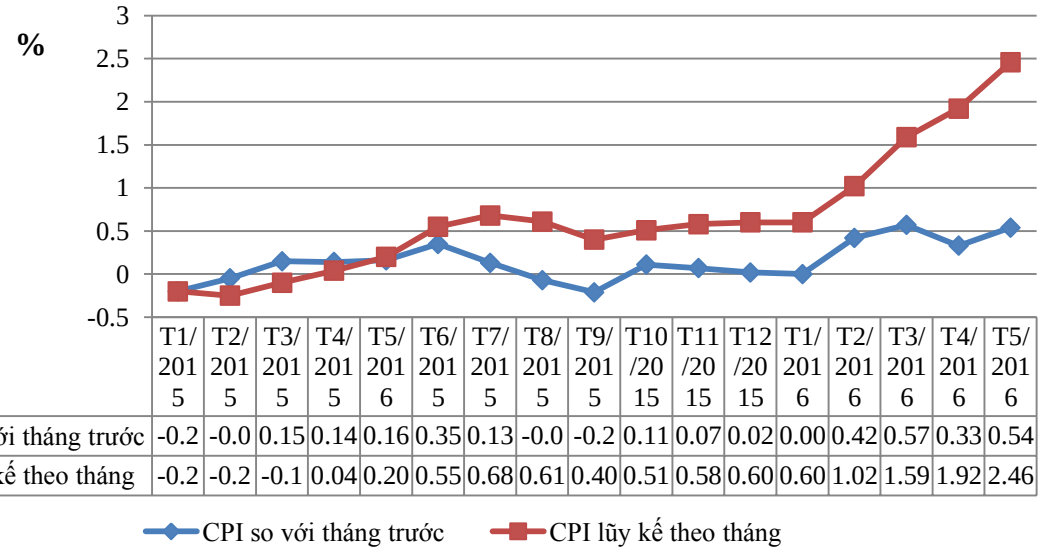

	T1/2015	T2/2015	T3/2015	T4/2015	T5/2016	T6/2015	T7/2015	T8/2015	T9/2015	T10/2015	T11/2015	T12/2015	T1/2016	T2/2016	T3/2016	T4/2016	T5/2016
CPI so với tháng trước	-0.2	-0.0	0.15	0.14	0.16	0.35	0.13	-0.0	-0.2	0.11	0.07	0.02	0.00	0.42	0.57	0.33	0.54
CPI lũy kế theo tháng	-0.2	-0.2	-0.1	0.04	0.20	0.55	0.68	0.61	0.40	0.51	0.58	0.60	0.60	1.02	1.59	1.92	2.46

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.3 Rủi ro lãi suất

Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu như tất cả các doanh nghiệp đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, lãi suất tiền vay – chi phí sử dụng vốn – trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Do đó, mọi sự biến động về lãi suất cho vay trên thị trường cũng đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh hay nói cách khác là tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Khi lãi suất cho vay của Ngân hàng tăng sẽ đẩy chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, làm suy giảm lợi nhuận cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, gây ra tình trạng thua lỗ, phá sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xu hướng tăng lãi suất Ngân hàng sẽ luôn đi liền với xu hướng cắt giảm, thu hẹp quy mô và phạm vi của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Ngược lại, khi lãi suất Ngân hàng giảm sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Lãi suất cho vay thấp luôn là động lực khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và qua đó kích thích tăng trưởng trong toàn bộ nền kinh tế.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, những thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động của Công ty cũng chịu sự tác động lớn từ những thay đổi trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô cũng như các hoạt động điều hành giá cả của Nhà nước.

3. Rủi ro cạnh tranh

Với diện tích gần 150 ngàn hecta, cây dừa Việt Nam là loại cây công nghiệp lâu năm có diện tích lớn thứ tư trong nước và đứng hàng thứ 8 trên thế giới với sản lượng khoảng 1 tỷ trái mỗi năm. Cộng thêm tiềm năng các sản phẩm từ dừa ngày càng mở rộng, phát triển ngành dừa theo hướng tăng trưởng và bền vững trở thành nhiệm vụ được Chính phủ cùng các địa phương hết sức quan tâm.

Thực tế cho thấy, từ năm 2001, ngành công nghiệp chế biến dừa Bến Tre và nhiều địa phương bắt đầu phát triển, đưa giá trị sản xuất công nghiệp ngành chế biến dừa giai đoạn 2006 - 2010 biến động theo xu hướng tăng. Tuy nhiên, sản phẩm thô vẫn còn chiếm tỷ trọng khá lớn, thiết bị, công nghệ chế biến vẫn lạc hậu. Công nghiệp chế biến quy mô nhỏ, thị trường biến động, sự liên kết còn lỏng lẻo, cạnh tranh không lành mạnh, doanh nghiệp chế biến dừa trong nước thường rơi vào thế yếu so với đối tác bên ngoài.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty cổ phần Trà Bắc. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CP TRÀ BẮC

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, Phường 4, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (84-074) 3852 523 Fax: (84-074) 3854 857

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

Công ty CP Chứng khoán Đại Dương – Chi nhánh Sài Gòn

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Trà Bắc tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 21/2014/HĐTV-SG ký giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty CP Chứng khoán Đại Dương – Chi nhánh Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Trà Bắc cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

✓ BKS	Ban kiểm soát
✓ BCKT	Báo cáo kiểm toán
✓ BCTC	Báo cáo tài chính
✓ CBTT	Công bố thông tin
✓ CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
✓ Công ty	Công ty cổ phần Trà Bắc
✓ CTCP	Công ty cổ phần
✓ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
✓ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
✓ GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
✓ HĐQT	Hội đồng quản trị
✓ Trà Bắc	Công ty cổ phần Trà Bắc
✓ TMCP	Thương mại cổ phần
✓ TSCĐ	Tài sản cố định
✓ UBND	Ủy ban Nhân dân
✓ SCIC	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước
✓ WTO	World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

CTCP Trà Bắc (tỉnh Trà Vinh) lần đầu tiên được thành lập vào ngày 15/10/1988 theo quyết định số 241/QĐ.UBT của chủ tịch UBND tỉnh Cửu Long với tên gọi là Xí nghiệp Dầu Thực Vật Cửu Long (hạch toán độc lập – trực thuộc Công ty Cây có dầu Cửu Long).

Ngày 22/12/1992 theo quyết định số 611/QĐ.UBT của chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh đổi tên Xí nghiệp Dầu Thực Vật Cửu Long thành Xí nghiệp Dầu Thực vật Trà Vinh do tỉnh Cửu Long tách thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh.

Ngày 31/10/1995 liên doanh một phần với Công ty Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc (thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam) thành lập Công ty liên doanh Trà Bắc theo quyết định số: 1173.QĐ/TCCBĐT ngày 30/10/1995 do Bộ trưởng Công nghiệp nặng, ký ngày 11/01/2001, chủ tịch HĐQT công ty quyết định đổi tên thành Công ty TNHH Than hoạt tính Trà Bắc, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 20/7/1996 Xí nghiệp Dầu Thực Vật Trà Vinh đổi tên thành Công ty Chế biến dừa Trà Vinh theo quyết định số 990/QĐ.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh bổ sung kinh doanh thêm một số mặt hàng: Xơ dừa, Mùn dừa, Nông sản xuất khẩu, phân bón các loại…

Ngày 08/8/2002 sau khi thanh lý hợp đồng liên doanh và nhận chuyển giao vốn từ Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh quyết định số 42/2002/QĐ.UBT về việc sáp nhập Công ty TNHH Than hoạt tính Trà Bắc và đổi tên Công ty Chế biến dừa thành Công ty Trà Bắc tỉnh Trà Vinh.

Ngày 12/04/2005 và ngày 03/12/2005 thực hiện Quyết định số 523.QĐ-CTT và Quyết định số 2509/QĐ-UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc cổ phần hóa và phê duyệt phương án.

Ngày 19/4/2006 tại cuộc họp Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Trà Bắc đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh các năm tới, bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát công ty.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tổ chức phát hành	**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**
Tên giao dịch đối ngoại	**TRA BAC JOINT STOCK CORPORATION**
Tên viết tắt	**TRABACO**
Trụ sở chính	**216 Bạch Đằng, Phường 4, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
Điện thoại	**(84-074) 3852 561**

Fax **(84-074) 3854 857**

Vốn điều lệ **70.958.760.000 đồng (Bảy mươi tỷ chín trăm năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)**

Ngành, nghề kinh doanh:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100266310 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần thứ nhất ngày 27 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 06 năm 2016, Công ty cổ phần Trà Bắc kinh doanh các ngành nghề sau:

- ✓ Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: thu mua và chế các sản phẩm từ trái dừa
- ✓ Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm than hoạt tính, xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô và các sản phẩm khác
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng mác khác. Chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên phụ liệu sản xuất, chế biến.
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công, chế tạo thiết bị cơ khí.
- ✓ Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan.
- ✓ Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Quản lý, xử lý các chất thải nguy hại.
- ✓ Sản xuất than cốc. Chi tiết: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và chế phẩm từ than đá.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/06/2016

Stt	Danh mục	Số CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước (SCIC)	3.241.056	32.410.560.000	45,68
2	Cổ đông trong Công ty	463.120	4.631.200.000	6,53
3	Cổ đông bên ngoài	3.391.700	33.917.000.000	47,79
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	*3.391.700*	*33.917.000.000*	*47,79*
	Tổng cộng	**7.095.876**	**70.958.760.000**	**100**

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

Tính đến thời điểm 31/08/2016, Công ty Cổ phần Trà Bắc có tổng cộng là 53 (năm mươi ba) cổ đông.

1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Họ tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
SCIC	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	3.241.056	45,68%
Lâm Chấn Kỳ	75, Lầu 1, Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	1.553.298	21,89%
Hồ San Nin	66 Đường 3A, cư xá Bình Thới, P.8, Q.11, Tp.HCM	650.907	9,17%
Vũ Quang Lê	91/6D Cách Mạng Tháng 8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	404.631	5,70%
Tổng cộng		**5.849.892**	**82,44%**

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con mà tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- ✓ ***Danh sách những công ty con của Công ty:*** *Không có.*
- ✓ ***Danh sách những công ty mà tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:*** *Không có.*
- ✓ ***Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức chào bán:***
  - ✓ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): tại thời điểm 30/06/2016, SCIC sở hữu 3.241.056 cổ phần, chiếm 45,68% vốn cổ phần.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện nay Công ty cổ phần Trà Bắc được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Trụ sở chính:

- ✓ Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- ✓ Điện thoại: (84) 743 852 561 Fax: (84) 743 854 857

Các đơn vị trực thuộc:

Nhà máy than hoạt tính

- ✓ Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- ✓ Điện thoại: (84) 743 852 561 Fax: (84) 743 854 857

Xí nghiệp Rạch Lợp

- ✓ Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
- ✓ Điện thoại: (84) 743 636 054 Fax: (84) 743 636 054

Xí nghiệp Đức Mỹ

- ✓ Địa chỉ: Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
- ✓ Điện thoại: (84) 743 589 002 Fax: (84) 743 636 589 094

Xí nghiệp Phú Vinh

- ✓ Địa chỉ: Khóm 5-6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
- ✓ Điện thoại: (84) 743 882 035 Fax: (84) 743 883 483

Xí nghiệp Long Đức

- ✓ Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- ✓ Điện thoai: (84) 742 240 496 Fax: (84) 742 240 496

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Trà Bắc bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông:

  Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

  - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty cả cổ đông của công ty;
  - Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
  - Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
  - Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ;
  - Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
  - Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- ✓ Hội đồng quản trị:

  Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- ✓ Ban kiểm soát

  Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

- ✓ Ban điều hành

  Là bộ máy điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Thành phần Ban điều hành gồm có: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- ✓ Phòng tổ chức hành chính

  Là đơn vị tham mưu về công tác hành chính, công tác lao động tiền lương, tổ chức cán bộ, công tác khen thưởng, kỷ luật, cụ thể hóa các chế độ chính sách của nhà nước.

  - Tổ chức, quản lý công tác văn phòng, thực hiện các nhiệm vụ hành chính, soạn thảo các văn bản: mệnh lệnh, thông báo, biên bản cuộc họp để làm cơ sở triển khai thực hiện kiểm tra các chỉ thị mệnh lệnh của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể hóa các văn bản của Nhà nước áp dụng vào trong công ty;
  - Tổ chức xây dựng và thực hiện các kế hoạch lao động, đào tạo, tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng, BHXH, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại… theo yêu cầu của công ty, bảo đảm đúng quy chế;
  - Theo dõi, kiểm tra các đơn vị về các mặt: Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện bien chế sử dụng lao động, phân chia tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, đề bạt, nâng lương, nâng bậc, khen thưởng, kỷ luật…. bảo đảm thực hiện đúng quy chế của công ty;
  - Lưu giữ công văn, theo dõi côong văn đi và đến, quản lý tốt các con dấu, kiểm soát các loại hồ sơ chất lượng của phòng và kiểm soát tài liệu chất lượng của công ty;

- ✓ Phòng kế toán – tài chính:

  Là đơn vị thuộc Công ty giúp Giám đốc thực hiện các chức năng theo dõi và quản lý về tài sản, tiền vốn trong đơn vị.

  - Lập kế hoạch tài chính hằng năm
  - Quyết toán tài chính định kỳ trong Công ty
  - Theo dõi, kiểm tra các khoản thu, chi trong đơn vị trước khi trình Giám đốc phê duyệt, căn cứ những quy định của Bộ Tài Chính
  - Thực hiện chế độ báo tài chính (và chịu trách nhiệm) theo đúng quy định của Bộ Tài chính

- ✓ Phòng kỹ thuật – công nghệ

  Trực thuộc Ban Giám đốc công ty, là đơn vị có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Giám Đốc trong công tác chỉ đạo điều hành lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc nhà xưởng và trực tiếp quản lý công tác đầu tư thiết bị công nghệ, bảo trì, bảo dưỡng, cơ sở hạ tầng của Công ty. Tổ chức in nhãn mác bao bì cho các đơn vị sản xuất.

  - Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị và chế tạo thiết bị mới phục vụ sản xuất
  - Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và cơ sở hạ tầng
  - Thực hiện kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và công tác đầu tư thiết bị mới
  - Hỗ trợ các cơ sở, xí nghiệp, đơn vị trực thuộc và thiết bị phục vụ sản xuất
  - Đưa ra các phương án cản tiến thiết bị, hợp lý hóa sản xuất trình Ban Giám Đốc Công ty xem xét, phê duyệt.
  - Phối hợp với các bộ phận, thực hiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất, vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, các đề tài khoa học cấp Công ty, cấp Tỉnh.
  - Tổ chức in nhãn mác bao bì cho các bộ phận sản xuất
  - Báo cáo Ban Giám Đốc Công ty tình hình thiết bị, công tác đầu tư, công tác sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì thiết bị và công tác khác, trên cơ sở hàng tuần hoặc đột xuất có yêu cầu

- ✓ Phòng Kế hoạch – Thị Trường:

  Là đơn vị có chức năng tham mưu giúp việc Ban giám đốc trong công tác chỉ đạo điều hành lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh và trực tiếp quản lý công tác thu mua, bán hàng của Công ty

  - Lập kế hoạch tháng, quý, năm về nguyên nhiên liệu, vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức phổ biến, kiểm tra thực hiện theo kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với các Phòng ban – Phân xưởng xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế – kỹ thuật, nhằm giảm giá thành sản xuất, kịp thời báo cáo với Ban Giám đốc những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các biện pháp giải quyết. Định kỳ báo cáo sơ tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch, phân tích đánh giá và đề ra các biện pháp nhằm đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh;
  - Tổ chức thu mua và xây dựng mạng lưới cung cấp nguyên – nhiên vật liệu ổn định, quản lý kho bãi, số lượng, chất lượng hàng hóa vật tư… quản lý tài sản và các phương tiện được giao, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu phục vụ công tác sản xuất – kinh doanh. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát mỗi khi

nhập mua hàng. Tổ chức đánh giá chất lượng, số lượng hàng hóa nhập kho để đề nghị Ban Giám đốc lựa chọn, phê duyệt danh sách các nhà cung cấp hàng hóa đạt yêu cầu cho Công ty

- Theo dõi và thực hiện các hợp đồng đã ký với khách hàng trong nước và xuất khẩu, tổ chức giao nhận hàng đảm bảo đạt yêu cầu đặt hàng và theo đúng tiến độ quy định
- Thực hiện chào hàng, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, không ngừng tìm kiếm khách hàng cung cấp và tiêu thụ sản phẩm. Theo dõi và tổng hợp các thông tin diễn biến về tình hình giá cả thị trường, kịp thời phản ánh với Ban Giám đốc để có biện pháp chỉ đạo nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của Công ty.
- Nghiên cứu đa dạng các sản phẩm, cải tiến mẫu mã nhãn mác bao bì, catalogs, giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu bằng các hình thức: tham gia hội chợ, triển lãm, bán hàng khuyến mãi vào các hệ thống siêu thị, cập nhật thông tin trên website công ty: www.trabaco.vn

✓ Phòng Hóa nghiệm

Là đơn vị tham mưu cho Ban Giám Đốc về công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá chất lượng sản phẩm góp phần đảm bảo chất lượng hệ thống quản lý chất lượng của Công ty:

- Tổ chức, quản lý công việc kiểm tra, phân tích mẫu, đánh giá chất lượng sản phẩm một cách chính xác, khách quan theo Tiêu chuẩn của Công ty và yêu cầu của khách hàng
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề về kiểm tra, phân tích mẫu và kiểm soát chất lượng sản phẩm trong Công ty
- Thực hiện phân tích mẫu cho các đơn vị bên ngoài khi được Ban Giám Đốc đồng ý
- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, phương pháp làm việc, đề xuất phương án hoạt động tối ưu để phát triển hoạt động kiểm soát chất lượng theo phướng chuyên nghiệp và chuẩn hóa.
- Ghi chép, kiểm soát các số liệu kiểm tra, phân tích và lưu một cách chính xác. Lập kế hoạch về nhu cầu sử dụng dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị bổ dung (hàng tháng)
- Lưu giữ tài liệu, hồ sơ chất lượng và đảm bảo tính an toàn, bảo mật
- Giữ gìn và sử dụng có hiệu quả máy móc, trang thiết bị được giao
- Thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định.

✓ Xí nghiệp Phú Vinh

Là đơn vị có chức năng sản xuất kinh doanh mặt hàng Xơ dừa dệt tấm và Cơm dừa sấy khô, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện của công ty

- Quản lý tốt nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao
- Thực hiện sản xuất kinh doanh sản phẩm Xơ dừa dệt tấm và Cơm dừa sấy khô và chịu trách nhiệm trước Công ty về những sản phẩm do Xí nghiệp cung cấp cho khách hàng;
- Không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp nguyên liệu
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách liên quan đến người lao động
- Đề ra các nội qui, qui định về kỷ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động.
- Xí nghiệp phải mở sổ sách kế toán ghi chép đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo định kỳ cho công ty về thu chi tài chính, lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng các máy móc thiết bị.

✓ Xí nghiệp Rạch Lợp

Là đơn vị có chức năng thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa như xơ dừa, mùn dừa, …

- Quản lý tốt nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao
- Tổ chức thu mua theo giá do Công ty công bố theo từng thời điểm
- Tổ chức sản xuất các sản phẩm và chịu trách nhiệm trước Công ty về những sản phẩm do xí nghiệp cung cấp cho khách hàng
- Không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp nguyên liệu
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách liên quan đến người lao động
- Đề ra các nội qui, qui định về kỉ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, các biện pháp bảo đảm an toàn lao động
- Xí nghiệp phải mở sổ sách kế toán ghi chép đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo định kỳ cho Công ty về thu chi tài chính, lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng máy móc thiết bị.

✓ Xí nghiệp Long Đức

Là đơn vị có chức năng sản xuất than viên không khói (BBQ), than Shisha, than Anthracite.

- Quản lý tốt nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao

- Thực hiện sản xuất than viên không khói (BBQ), than Shisha, than Anthracite và chịu trách nhiệm trước Công ty về những sản phẩm do Xí nghiệp cung cấp cho khách hàng
- Không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp nguyên liệu
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách liên quan đến người lao động
- Đề ra các nội qui, qui định về kỷ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động.
- Xí nghiệp phải mở sổ sách kế toán ghi chép đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo định kỳ cho công ty về thu chi tài chính, lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng các máy móc thiết bị

✓ Nhà máy Than hoạt tính

Là đơn vị trách nhiệm trực tiếp về việc sản xuất và gia công các loại than hoạt tính theo yêu cầu của Ban giám đốc Công ty.

- Tổ chức quản lý, vận hành lò hoạt hóa và các thiết bị phụ trợ khác đúng qui trình công nghệ, đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm, định mức kỹ thuật, an toàn cho người và thiết bị máy móc.
- Chịu trách nhiệm giải quyết mọi yêu cầu về an toàn đối với máy móc thiết bị, nhà xưởng đơn vị quản lý, nếu chậm trễ để xảy ra tai nạn lao động hoặc sự cố công nghệ, thiết bị phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra hiện trường, điều kiện môi trường làm việc của công nhân, có những giải pháp tích cực để cải thiện điều kiện lao động, môi trường làm việc đảm bảo an toàn, ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- Có trách nhiệm điều tra sự cố công nghệ, thiết bị tai nạn lao động báo cáo cấp trên và đề xuất các giải pháp khắc phục và phòng ngừa.
- Chịu trách nhiệm huấn luyện định kỳ cho công nhân viên đơn vị mình và công nhân mới, nhân viên tập sự ở Nhà máy mình phụ trách.

Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty

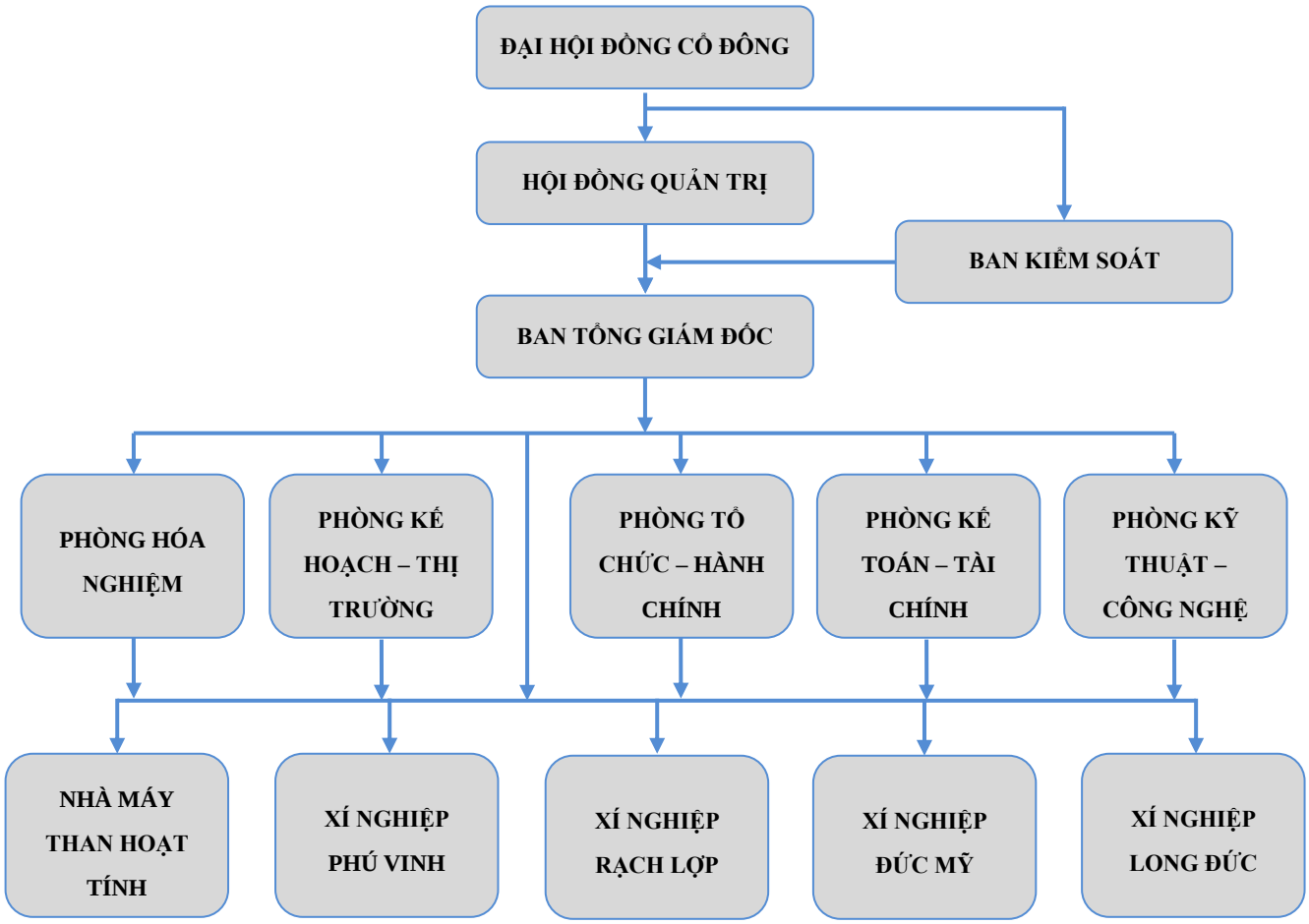

(Nguồn: Cty CP Trà Bắc)

4. Hoạt động kinh doanh

4.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Trà Bắc bao gồm: sản xuất và chế biến các sản phẩm từ trái dừa, nhập khẩu các thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến.

Sản phẩm chủ yếu của công ty là xuất khẩu các sản phẩm: than hoạt tính, xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô…, và các sản phẩm khác.

4.2. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết

Một số các hợp đồng lớn do Công ty thực hiện và ký kết bao gồm:

Bảng 3: Danh sách hợp đồng

STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY HỢP ĐỒNG	SỐ TIỀN (USD)	THỊ TRƯỜNG
1	Order C2617	27/05/2014	67.320,00	Nhật
2	Order C2618	27/05/2014	36.740,00	Nhật

3	Order 4500236836	02/06/2014	37.026,00	Sri Lanka
4	Order 4500236835	02/06/2014	37.026,00	Sri Lanka
5	Order 4500236833	02/06/2014	37.026,00	Sri Lanka
6	Order 4500236809	02/06/2014	37.026,00	Sri Lanka
7	Order 4500237094	28/05/2014	35.090,00	Sri Lanka
8	Order 4500237091	28/05/2014	35.090,00	Sri Lanka
9	Order 4500237090	28/05/2014	35.090,00	Sri Lanka
10	Order 4500237088	27/05/2014	35.090,00	Sri Lanka
11	Order 4500237087	27/05/2014	35.090,00	Sri Lanka
12	PC-130404-094	04/04/2013	27.940,00	Nhật
13	PC-130502-123	02/05/2013	17.280,00	Nhật
14	01/AS-TB/2013	16/04/2013	38.625,00	Argentina
15	003/TBC	11/04/2013	41.800,00	Bulgari
16	105/HDKT-TB	20/03/2013	1.600,00	Nhật
17	Order H25H75	02/05/2013	27.500,00	Nhật
18	IN 2777	05/04/2013	80.000,00	Chile
19	Order 4500228892	14/05/2013	76.560,00	Thụy Sĩ
20	001/TBC-KOJINE	24/04/2013	14.500,00	Đài Loan
21	02/TB-MW/2013	21/03/2013	300.080,00	Nhật
22	CZEB/1360040	19/04/2013	41.140,00	Nhật
23	PC-111111-289-293-B	01/02/2012	127.200,00	Nhật
24	PC-12062170,171	29/06/2012	39.600,00	Nhật
25	05/AS-TB/2012	18/06/2012	47.500,00	Argentina
26	01-BAVOSI	20/06/2012	66.750,00	Argentina
27	02/BS-TB/2012	04/08/2012	42.500,00	Argentina
28	12-12/HDKT-TB	11/07/2012	1.600,00	Nhật
29	IN 2710	16/06/2012	22.500,00	Chile

30	03/TB-MW/2012	05/07/2012	270.160,00	Nhật
31	CZEB/1260010	16/04/2012	159.200,00	Nhật
32	MZ-160-2012	12/06/2012	25.500,00	Jordan
33	C2583	25/05/2012	54.120,00	Nhật
34	1954	12/09/2012	15.000,00	Nam Phi
35	02-VILLARES	06/09/2012	23.250.00	Argentina
36	07/TB-CN.12	01/07/2012	157.919,60	Trung Quốc

Nguồn: Công ty cổ phần Trà Bắc

4.3. Cơ cấu doanh thu

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm

STT	Hàng hóa/Dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6T/2016	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Than hoạt tính, than nguyên liệu	132.792	42,2	151.600	49,7	131.951	48,3	76.370	69,1
2	Sản phẩm từ trái dừa	182.199	66,1	153.290	58,5	141.540	51,7	34.302	30,9
Tổng cộng		**314.990**	**100**	**304.890**	**100**	**273.491**	**100**	**110.672**	**100**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016)

Bảng 5: Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu của Công ty

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6T/2016
Doanh thu thuần (1.000 đồng)	314.990.363	304.889.877	273.491.047	110.672.438
% tăng trưởng so với cùng kỳ	(2,2)	(3,2)	(10,3)	(19,2)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

Nhìn chung, doanh thu thuần của CTCP Trà Bắc trong giai đoạn 2013-2015 có xu hướng giảm dần, với cơ cấu gồm 2 nhóm sản phẩm chính là than hoạt tính, than nguyên liệu và các sản phẩm từ dừa (gồm xơ dừa, cơm dừa sấy khô, mùn dừa, dừa trái, thảm xơ dừa).

Doanh thu thuần từ than hoạt tính và than nguyên liệu đóng góp ổn định trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty khoảng 132 tỷ đồng trong 2013, tăng lên 150 tỷ

đồng trong năm 2014, và giảm còn 132 tỷ trong năm 2015, tương ứng đóng góp khoảng 40 - 50% trong cơ cấu doanh thu thuần. Với xu hướng gia tăng nhu cầu sử dụng sản phẩm than hoạt tính, và các loại than được chế biến có nguồn gốc thực vật đang được ưa chuộng trên toàn Thế giới sẽ là thuận lợi thúc đẩy gia tăng doanh thu từ mặt hàng này trong những năm tới cho Công ty. Doanh thu từ sản phẩm từ dừa hàng năm đóng góp khoảng 66% trong tổng doanh thu thuần trong năm 2013, nhưng giảm dần trong các năm 2014 và 2015. Nguyên nhân chủ yếu do biến động giá của sản phẩm cơm dừa sấy khô – sản phẩm từ dừa của Công ty.

Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty

ĐVT: triệu đồng

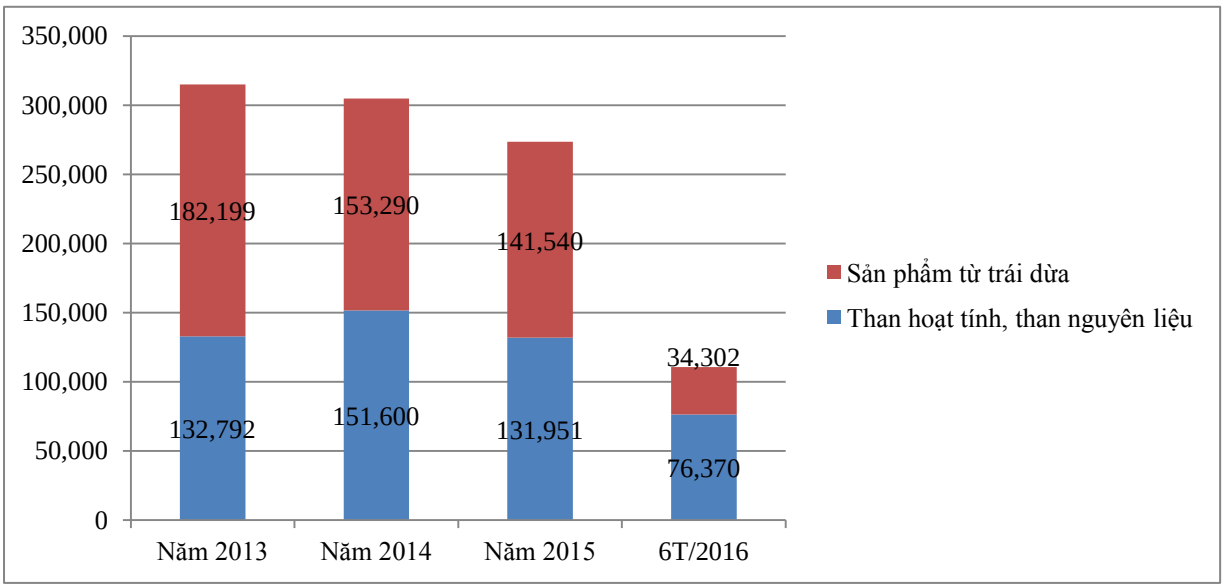

4.4. Cơ cấu chi phí

Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6T/2016	
		Giá trị (triệu đồng)	%/ DT	Giá trị (triệu đồng)	%/ DT	Giá trị (triệu đồng)	%/ DT	Giá trị (triệu đồng)	%/ DT
1	Giá vốn hàng bán	275.514	87,5	262.007	85,9	229.994	83,9	92.479	83,6
2	Chi phí tài chính	1.392	0,4	749	0,3	3.156	1,2	1.626	1,5
3	Chi phí bán hàng	15.759	5,0	19.738	6,5	19.096	7,0	8.795	8,0
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.262	3,3	11.837	3,9	11.415	4,2	3.524	3,2

5	Chi phí khác	3.266	1,0	95	0,0	464.531	0,2	261	0,2
Tổng chi phí		**306.193**	**97,2**	**294.426**	**96,6**	**264.126**	**96,3**	**106.685**	**96,4**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

Tổng chi phí của Công ty biến động tương đối ổn định so với doanh thu thuần, giao động từ 97,2% đến 96,3%. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng chi phí của Công ty, từ 84% đến 87,5% so với doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hàng năm. Chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai là chi phí bán hàng giữ mức ổn định trong năm 2012 và 2013 nhưng tăng vọt trong năm 2015 chiếm 7% doanh thu thuần. Vì vậy, để tối đa hóa hiệu quả hoạt động, công ty cần phải tập trung chú trọng phát triển đội ngũ và khâu bán hàng để giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận hoạt động.

Biểu đồ 3: Cơ cấu chi phí

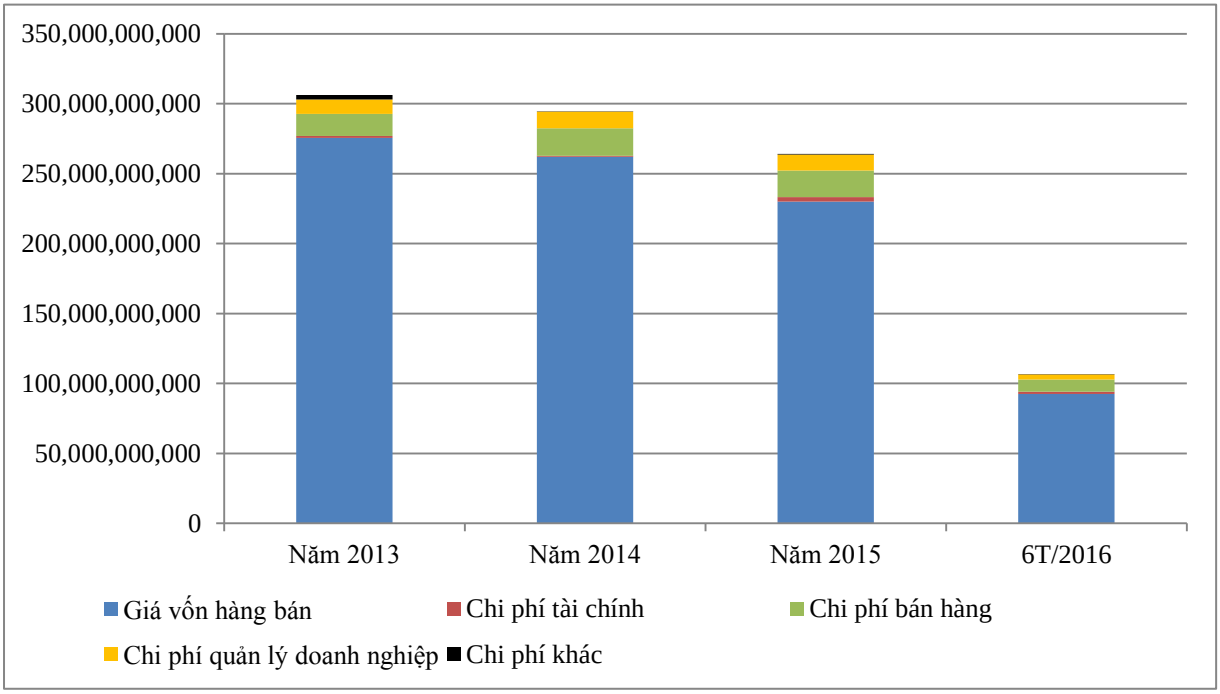

4.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng

- Nhãn hiệu thương mại:

- Đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền: Không có
- Tiêu chuẩn chất lượng: Cơ sở vật chất và phần mềm quản lý chất lượng sản phẩm của các Xí nghiệp trực thuộc đều đạt các tiêu chuẩn quốc tế (HACCP; ISO

9001:2008; HALAL…) đây là điều kiện để đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng.

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Các chỉ tiêu tài chính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	6T/2016
Tổng tài sản	123.734.876.616	121.989.039.990	170.205.711.720	166.509.581.743
Vốn chủ sở hữu	91.949.574.153	94.830.287.082	94.813.964.835	97.822.025.747
Vốn điều lệ	63.356.030.000	63.356.030.000	63.356.030.000	70.958.760.000
Doanh thu thuần	314.990.362.844	304.889.877.223	273.491.047.427	110.672.437.982
EBIT	12.631.510.391	13.500.595.065	13.299.563.311	6.082.952.552
LN sau thuế	9.015.370.680	10.162.929.850	8.704.323.637	3.704.406.803
Nợ/Tổng tài sản (%)	25,7	22,3	44,3	41,3
Tỷ suất Lợi nhuận gộp (%)	12,5	14,1	15,9	16,4
Tỷ suất Lợi nhuận ròng (%)	2,9	3,3	3,2	3,4
ROA (%)	6,7	8,3	6,0	2,2
ROE (%)	10,1	10,9	9,2	3,9
BV	14.513	14.968	14.965	13.786
EPS	1.423	1.604	1.374	522

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

Biểu đồ 4: Kết quả kinh doanh của Công ty

ĐVT: đồng

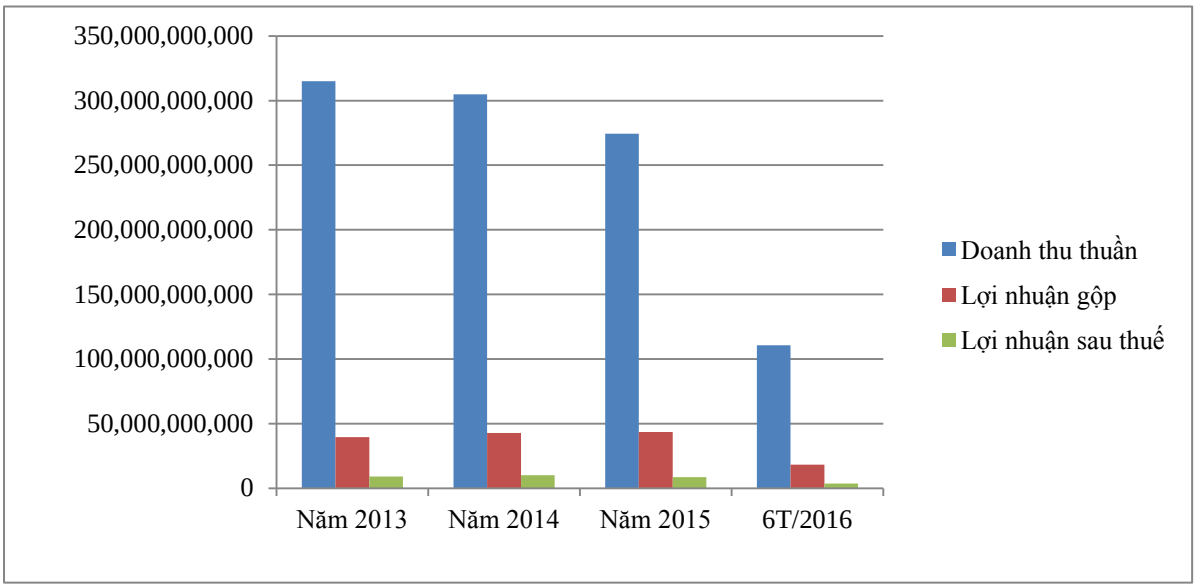

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

Nhìn chung do tình hình kinh tế nói chung trong năm 2013 không khả quan, nguồn nguyên liệu khan hiếm dẫn đến giá vốn hàng bán tăng cao, làm giảm lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đã có cải thiện trong năm 2014 và năm 2015, nhưng công ty cần kiểm soát tốt hơn nữa chi phí để đạt được hiệu quả kinh doanh tối ưu.

5.2. Phân tích SWOT

❖ Điểm mạnh

Việc đa dạng hóa các sản phẩm từ trái dừa là một thuận lợi không nhỏ của công ty trong nhiều năm qua, tiếp tục được khẳng định và phát huy hiệu quả. Trong đó, sản phẩm than hoạt tính luôn được xác định là sản phẩm chủ lực của công ty, chịu sự chi phối cao và quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

Công tác đầu tư nguồn lực cả về chiều sâu lẫn mở rộng đã mang lại hiệu quả thiết thực. Máy móc, thiết bị không ngừng được cải tiến theo hướng tăng năng suất, đảm bảo chất lượng, giảm định mực; công tác đào tạo nhân lực được chú trọng, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, tay nghề kỹ thuật được nâng lên, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của công ty hoàn toàn làm chủ công nghệ, quy trình sản xuất

Thương hiệu TRABACO tiếp tục khẳng định duy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Mở rộng thêm nhiều khách hàng thương mại trong nước, đồng thời có tín hiệu tốt từ thị trường bán lẻ thông qua hệ thống siêu thị và đại lý. Đặc biệt than hoạt tính thương hiệu TRABACO ngày càng được thị trường trong nước quan tâm và sử dụng.

❖ **Điểm yếu**

Năm 2014 công ty hết thời hạn được miễn giảm giá thuê đất, đồng thời giá thuê đất sẽ tăng làm cho chi phí tăng cao, cụ thể giá thuê đất từ 100 triệu đồng tăng lên 1,4 tỷ đông trong năm 2014.

Hiện nay công tác bảo vệ môi trường đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh ngày càng được chú trọng, do đó chi phí bảo vệ môi trường sẽ tăng cao, làm tăng chi phí chung của doanh nghiệp

Xuất khẩu xơ dừa do thị trường Trung Quốc chi phối, nên nếu khách hàng Trung Quốc có thay đổi chính sách thu mua về sản lượng và giá cả sẽ gây khó khăn cho xuất khẩu, khó dự đoán được.

❖ **Cơ hội**

Than hoạt tính sọ dừa được sử dụng chủ yếu để hấp phụ chất khí và chất lỏng trong các ngành công nghiệp: Dầu mỏ, hóa chất, Y dược, lọc luyện vàng, chế biến thực phẩm, lọc nước, xử lý khí bị ô nhiễm…Có tác dụng tinh chế, phân ly, khử mùi vị lạ, thu hồi các kim loại quý, làm chất xúc tác, mặt nạ phòng độc, đầu lọc thuốc lá…Phạm vi sử dụng của sản phẩm rất đa dạng, là loại vật liệu không thể thiếu được đối với các ngành công nghiệp chế biến, xử lý độc hại và bảo vệ môi trường… Hiện nay, xu hướng bảo vệ môi trường đang phát triển rất mạnh ở tất cả các nước và tâm lý người tiêu dùng cũng đã chú ý hơn đến những sản phẩm không gây độc hại. Vì vậy, cơ hội để công ty mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và tiến tới xâm nhập vào các thị trường mới là rất lớn.

❖ **Thách thức**

Năm 2014 thị trường xuất khẩu sẽ tiếp tục có những khó khăn khi thế giới có những bất ổn về chính trị, làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, trong thanh toán thương mại có khả năng sẽ gặp nhiều rủi ro.

Hiện nay trên thị trường nhiều cơ sơ tự trang bị máy đóng kiện, không còn bán chỉ thô nữa, mà ngược lại thu mua thêm để đóng kiện nên việc cạnh tranh thu mua chỉ xơ dừa sẽ gây khó khăn cho các xí nghiệp trực thuộc của công ty, đặc biệt là xí nghiệp Phú Vinh, Đức Mỹ.

6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

6.1. Triển vọng phát triển của ngành

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng của thế giới ngày càng tăng, các sản phẩm từ dừa ngày càng đa dạng, được ưa chuộng và phục vụ thiết thực cho cuộc sống con người với những công dụng nổi bật được chứng minh rõ nét. Chính vì thế, không riêng gì ở Việt Nam, các quốc gia trồng dừa nhiều như Philippine, Thái Lan, Indonesia… luôn chú trọng phát triển nghề trồng dừa một cách khá toàn diện và ngày càng đi vào chiều sâu nhằm phát huy tối đa về mặt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Thế giới có nhu cầu rất cao về việc sử dụng than hoạt tính được sản xuất từ than gáo dừa, trong 05 năm qua, nhu cầu nhập khẩu than hoạt tính từ than gáo dừa tăng khoảng 7,73%/năm và được dự đoán tăng từ 10% - 25% mỗi năm từ năm 2013 - 2018. Nhờ vào sự tăng trưởng và cơ hội trong thị trường than hoạt tính trên toàn cầu nên một số nhà sản xuất than hoạt tính đã mở rộng hoạt động sản xuất và tìm nguồn cung ứng nguyên liệu thô từ các quốc gia khác. Đối với kim ngạch xuất khẩu than hoạt tính được sản xuất từ than gáo dừa thì theo nhiều nguồn tin khác cho biết: kim ngạch xuất khẩu than hoạt tính toàn cầu trong năm 2012 đạt 1.913,2 triệu USD và được dự kiến tăng khoảng 4.180,5 triệu USD vào năm 2019; tăng 14,8% mỗi năm.

6.2. Triển vọng Công ty

Là một trong những nhà sản xuất than hoạt tính lớn nhất của Việt Nam hiện nay. Tại thị trường trong nước, sau nhiều năm cạnh tranh khốc liệt, hiện nay đa số người sử dụng trong nước đã trực tiếp đặt mua hàng tại công ty, không thông qua trung gian hoặc mua hàng không rõ nguồn gốc. Trên thị trường xuất khẩu, thương hiệu TRABACO đã không ngừng giành và mở rộng được một số thị phần quan trọng, nếu như năm 2000 thị trường xuất khẩu chỉ có hai nước là Nhật Bản và Trung Quốc thì hiện nay, thị trường xuất khẩu đã mở rộng đến hơn 13 nước và vùng lãnh thổ, như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Anh, Pháp, Argentina, Thụy Điển, Singapore, Chile, Nam Phi, Ấn Độ, Braxin... Định hướng phát triển của công ty trong những năm tới là tập trung sản xuất, có thể mở rộng đầu tư sản xuất các sản phẩm ngoài cây dừa như đậu phọng hoặc các loại nông sản thực phẩm khác có thế mạnh của tỉnh. Nghiên cứu liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong ngành công nghiệp phụ trợ.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1 Cơ cấu lao động tại 30/06/2016

Tổng số lao động của Công ty tại 30/06/2016 là 219 lao động.

Bảng 8: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu phân loại	Số lao động
Theo giới tính	**219**
Nam	188
Nữ	31
Theo trình độ	**219**
Trên Đại học, Đại học	55
Cao đẳng	13
Trung cấp	30

Lao động phổ thông	121

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

7.2 Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Chính sách lương: Ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số, người lao động trong Công ty còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhận viên.

Chế độ phúc lợi xã hội: Ngoài những quyền lợi được quy định theo Luật Lao động còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

7.3 Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Việc Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, Công ty chủ yếu đào tạo tại chổ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với cán bộ quản lý, văn phòng, tủy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt như HACCP,..

Chính sách tuyển dụng: Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà mày chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động.

8. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chi cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới. Trong các năm qua, mặc dù Công ty đã hoạt động có lãi, nhưng do vẫn còn lỗ lũy kế vì vậy Công ty không chia cổ tức cho các cổ đông.

Bảng 9: Tỷ lệ cổ tức các năm vừa qua

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tỷ lệ cổ tức	10%	12%	12%

Nguồn: Công ty CP Trà Bắc

9. Tình hình tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao của Công ty được trích lập phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- ✓ TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (–) giá trị hao mòn lũy kế.
- ✓ Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính.

9.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác và cá nhân.

9.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí và lệ phí…

Bảng 10: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty

ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối kỳ
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	653.651.137

2	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	63.498.408
2	Thuế thu nhập cá nhân	-	-
2	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
2	Thuế khác phải nộp	97.264.087	13.395.000
	Tổng cộng	**97.264.087**	**730.544.545**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

9.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm.

Hiện tại do Công ty đang trích lập các quỹ: Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính.

Bảng 11: Số dư các quỹ của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/06/2016
Quỹ dự phòng tài chính	3.520.387.438	3.971.155.972	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	12.773.753.592	14.056.138.817	19.469.578.755	19.874.826.501
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	264.156.979	684.680.480	604.993.497	546.560.571

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

9.1.5 Tình hình công nợ

➢ ***Các khoản phải thu:***

Bảng 12: Các khoản phải thu của Công ty

ĐVT: đồng

Năm	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/06/2016
Phải thu khách hàng	26.805.720.235	15.490.221.570	15.733.482.727	21.625.239.552
Trả trước cho người bán	3.590.926.800	2.959.499.791	3.426.220.512	3.083.824.389
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	71.348.803	2.455.100	535.896.366	970.978.209
Dự phòng các khoản phải	(1.740.493.271)	(2.761.299.868)	(3.047.204.132)	(3.047.204.132)

thu khó đòi				
Tổng cộng	**28.727.502.567**	**15.690.876.593**	**16.648.395.473**	**22.632.838.018**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

- ***Các khoản phải trả:***

Bảng 13: Các khoản phải trả của Công ty

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/06/2016
Nợ ngắn hạn	**31.785.338.463**	**27.158.752.908**	**61.861.746.885**	**55.157.555.996**
Vay và nợ ngắn hạn	10.946.446.430	9.872.297.820	39.388.797.768	40.315.543.303
Phải trả người bán	3.082.650.335	2.828.799.091	8.164.895.940	5.828.841.572
Người mua trả tiền trước	7.769.235.378	2.542.151.182	3.986.865.712	1.565.434.083
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	720.093.192	492.214.228	97.264.087	730.544.545
Phải trả người lao động	1.229.757.795	2.528.962.981	3.110.195.092	1.270.467.711
Chi phí phải trả	4.414.938.462	6.396.837.233	5.476.563.957	3.589.010.722
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.358.059.892	1.812.809.893	1.032.170.832	1.313.353.489
Quỹ khen thưởng phúc lợi	264.156.979	684.680.480	604.993.497	546.560.571
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	(2.200.000)
Nợ dài hạn			**13.530.000.000**	**13.530.000.000**
Vay và nợ dài hạn			13.530.000.000	13.530.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
Tổng cộng	**31.785.338.463**	**27.158.752.908**	**75.391.746.885**	**68.687.555.996**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC 6T/2016 của Công ty)

9.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn	2013	2014	2015
Tỷ số thanh toán hiện thời (ngắn hạn)	2,65	2,93	1,70
Tỷ số thanh toán nhanh	1,29	0,74	0,36
Tỷ số thanh toán tiền mặt	0,36	0,14	0,08
Vốn lưu động ròng	52.468.406.876	52.515.812.119	43.520.812.731
Đánh giá hiệu quả hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	11,59	13,73	16,91
Vòng quay các khoản phải trả	6,47	8,27	4,71
Vòng quay hàng tồn kho	5,96	5,51	3,43
Số ngày các khoản phải thu	31,51	26,59	21,58
Số ngày các khoản phải trả	56,45	44,14	77,57
Số ngày hàng tồn kho	61,29	66,23	106,28
Vòng quay Tổng tài sản	2,34	2,48	1,87
Vòng quay vốn lưu động	6,67	5,81	5,70
Vòng quay tài sản cố định	7,51	7,52	5,12
Vòng quay vốn Chủ sở hữu	3,52	3,26	2,88
Đánh giá khả năng sinh lời			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,34	2,48	1,87
Tỷ suất LN gộp/DT thuần	0,13	0,14	0,16
Tỷ suất LN HĐ SXKD/DT thuần	0,04	0,04	0,04
Tỷ suất LN HĐ SXKD/Tổng tài sản	0,1	0,09	0,08
Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần	0,03	0,03	0,03
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,07	0,08	0,06
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,10	0,11	0,09
Đánh giá khả năng quản lý công nợ			
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,29	0,80
Tổng nợ/Tổng Tài sản	0,26	0,22	0,44
Nợ dài hạn/Tổng Tài sản	-	-	0,08

Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	-	-	0,14
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,29	0,80

(Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty)

10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, Ban kiểm soát

10.1. Hội đồng quản trị

Bảng 15: Danh sách thành viên HĐQT của Công ty

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Huỳnh Khắc Nhu	Chủ tịch HĐQT	196.622	2,8
2	Lâm Chấn Kỳ	Phó Chủ tịch	1.553.298	21,9
3	Hồ Quang Khải	Thành viên HĐQT	35.840	0,5
4	Hồ San Nin	Thành viên HĐQT	650.907	9,2
5	Hồng Lệ Vân	Thành viên HĐQT	-	-

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

A. Chủ tịch HĐQT – Ông Huỳnh Khắc Nhu

1. Họ và tên: Huỳnh Khắc Nhu
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 28/06/1960
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: 241, Điện Biên Phủ, Khóm 4, P.6, Tp. Trà Vinh
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh
9. Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Trà Bắc
10. Số cổ phần nắm giữ: 1.214.000 cổ phần
    - ✓ Đại diện Nhà nước: 1.017.378 cổ phần
    - ✓ Sở hữu cá nhân: 196.622 cổ phần
11. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với: Không có

công ty

B. Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Lâm Chấn Kỳ

1.	Họ và tên	Lâm Chấn Kỳ
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	18/05/1965
4.	Quốc tịch	Việt Nam
5.	Dân tộc	Hoa
6.	Địa chỉ thường trú	Lầu 1 – Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
7.	Trình độ văn hóa	9/12
8.	Trình độ chuyên môn	
9.	Chức vụ hiện nay	Phó chủ tịch HĐQT
10.	Số cổ phần nắm giữ	1.553.298 cổ phần ✓ Được ủy quyền: 0 cổ phần ✓ Cá nhân: 1.553.298 cổ phần
11.	Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12.	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

C. Thành viên HĐQT – Ông Hồ Quang Khải

1.	Họ và tên	Hồ Quang Khải
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	06/11/1967
4.	Quốc tịch	Việt Nam
5.	Dân tộc	Kinh
6.	Địa chỉ thường trú	148, Đồng Khởi, Khóm 6, P.6, Tp. Trà Vinh
7.	Điện thoại cơ quan	
8.	Trình độ văn hóa	12/12
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa
10.	Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT

11. Số cổ phần nắm giữ	1.053.218 cổ phần ✓ Đại diện Nhà nước: 1.017.378 cổ phần ✓ Sở hữu cá nhân: 35.840 cổ phần
12. Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
13. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

D. Thành viên HĐQT – Ông Hồ San Nin

1. Họ và tên	Hồ San Nin
2. Giới tính	Nam
3. Ngày tháng năm sinh	19/071950
4. Quốc tịch	Việt Nam
5. Dân tộc	Hoa
6. Địa chỉ thường trú	66 Đường 3A – Cư xá Bình Thới – P.8 – Quận 11, Tp.HCM
7. Trình độ văn hóa	12/12
8. Trình độ chuyên môn	Kinh doanh thương mại
9. Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
10. Số cổ phần nắm giữ	650.907 cổ phần ✓ Được ủy quyền: 0 cổ phần ✓ Cá nhân: 650.907 cổ phần
11. Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

E. Thành viên HĐQT – Bà Hồng Lệ Vân

1. Họ và tên	Hồng Lệ Vân
2. Giới tính	Nữ
3. Ngày tháng năm sinh	08/07/1984
4. Quốc tịch	Việt Nam
5. Dân tộc	Kinh

6. Địa chỉ thường trú: 36 Đường 24 – Bình Phú – P.11 – Quận 6, Tp.HCM
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành kế toán
9. Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
10. Số cổ phần nắm giữ: 1.206.300 cổ phần
    - ✓ Đại diện Nhà nước: 1.206.300 cổ phần
    - ✓ Cá nhân: 0 cổ phần
11. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

10.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 16: Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Huỳnh Khắc Nhu	Tổng Giám Đốc	196.622	2,8
2	Hồ Quang Khải	Phó TGĐ	35.840	0,5
3	Trần Minh Hùng	Phó TGĐ	-	-
4	Ngô Kinh Luân	Kế Toán Trưởng	36.980	0,5

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

A. Tổng Giám Đốc – Huỳnh Khắc Nhu: xem SYLL phần HĐQT

B. Phó Tổng Giám Đốc- Hồ Quang Khải: xem SYLL phần HĐQT

C. Phó Tổng Giám Đốc – Ông Trần Minh Hùng

1. Họ và tên: Trần Minh Hùng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1961
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Dân tộc: Kinh
6. Địa chỉ thường trú: Ấp Long Đại – xã Long Đức, Tp. Trà Vinh
7. Trình độ văn hóa: 12/12

8.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa
9.	Chức vụ hiện nay	Phó TGĐ CTCP Trà Bắc
10.	Số cổ phần nắm giữ	không
11.	Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12.	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

D. Kế toán trưởng – Ông Ngô Kinh Luân

1.	Họ và tên	Ngô Kinh Luân
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	04/03/1966
4.	Quốc tịch	Việt Nam
5.	Dân tộc	Kinh
6.	Địa chỉ thường trú	Thị trấn Châu Thành – Châu Thành – Trà Vinh
7.	Trình độ văn hóa	12/12
8.	Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
9.	Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
10.	Số cổ phần nắm giữ	36.980 cổ phần
11.	Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12.	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

10.3. Ban kiểm soát

Bảng 17: Danh sách Ban kiểm soát của Công ty

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	24.685	0,3
2	Phạm Nhật Quang	Thành viên	-	-
3	Võ Thị Cẩm Tú	Thành viên	624	0

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

A. Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Đặng Anh Tuấn

1. Họ và tên	Đặng Anh Tuấn
2. Giới tính	Nam
3. Ngày tháng năm sinh	23/08/1974
4. Quốc tịch	Việt Nam
5. Dân tộc	Kinh
6. Địa chỉ thường trú	38/4 Trần Thánh Tông, Phường 15, Quận Tân Bình, TPHCM
7. Trình độ văn hóa	12/12
8. Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
9. Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Trà Bắc
10. Số cổ phần nắm giữ	24.685 cổ phần
11. Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

B. Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Phạm Nhật Quang

1. Họ và tên	Phạm Nhật Quang
2. Giới tính	Nam
3. Ngày tháng năm sinh	10/02/1984
4. Quốc tịch	Việt Nam
5. Dân tộc	Kinh
6. Địa chỉ thường trú	A1.22.05, Chung cư Hoàng anh gia lai An Tấn Goldhouse, Phước Kiểng, Nhà Bè, TPHCM
7. Trình độ văn hóa	12/12
8. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý công việc
9. Chức vụ hiện nay	Thành viên BKS
10. Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
11. Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12. Quyền lợi mâu thuẫn với	Không có

công ty

C. Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Võ Thị Cẩm Tú

1.	Họ và tên	Võ Thị Cẩm Tú
2.	Giới tính	Nữ
3.	Ngày tháng năm sinh	11/11/1980
4.	Quốc tịch	Việt Nam
5.	Dân tộc	Kinh
6.	Địa chỉ thường trú	Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
7.	Trình độ văn hóa	12/12
8.	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
9.	Chức vụ hiện nay	Thành viên BKS
10.	Số cổ phần nắm giữ	624 cổ phần
11.	Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
12.	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có

11. Tài sản

Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/06/2016 của Công ty như sau:

Bảng 18: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/06/2016 của Công ty

ĐVT: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**	**118.677.925.297**	**62.533.685.501**	**57.047.950.236**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	50.892.539.385	23.875.315.548	27.682.973.046
2	Máy móc, thiết bị	63.725.488.941	36.618.719.305	27.344.730.867
3	Phương tiện vận tải	4.059.896.971	2.039.650.648	2.020.246.323
II	**TSCĐ vô hình**	**4.068.920.228**	**685.266.870**	**3.383.653.358**
1	Quyền sử dụng đất	4.009.058.328	625.404.970	3.383.653.358
2	Phần mềm kế toán	59.861.900	59.861.900	-

(Nguồn: BCTC 6T/2016 của Công ty)

Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang sử dụng và quản lý các mảnh đất sau:

Bảng 19: Tình hình quản lý và sử dụng đất đai của Công ty

STT	Số GCN	Địa chỉ	Diện tích (m^2)	Thời hạn sử dụng
Đất mua tại XN Phú Vinh				
1.	AI 829133	Khóm 5, Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	1.009,6	30/11/2053
	AI 829132	Khóm 5, Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	2.509,0	30/11/2053
Đất thuê tại XN Phú Vinh				
	AL 798192	Khóm 6, Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	8.994,7	30/11/2056
Đất mua tại XN Rạch Lợp				
	AL 798214	Ấp Chợ, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	20.820	4/11/2055
Đất mua tại VP Công ty				
	AL 798097	Phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	2.037,7	11/04/2055
	AL 798098	Phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	3.542,6	11/04/2055
	AL 798099	Phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	2.156,3	11/04/2055
Đất thuê tại VP Công ty				
	AL 798191	Phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	27.059,5	15/10/2043
	AB 279256	Phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	5.549,9	27/01/2016
Đất thuê tại Xí nghiệp Long Đức				
	BA 195591	Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp Trà Vinh	24.774,8	11/01/2060
Đất thuê tại Xí nghiệp Đức Mỹ				

STT	Số GCN	Địa chỉ	Diện tích (m^2)	Thời hạn sử dụng
	AI 829123	Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	7.027,4	02/04/2057
	AI 829124	Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	6.780,7	02/04/2057
	BA 195551	Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	1.503,2	26/11/2059

(Nguồn: Công ty CP Trà Bắc)

12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty:

Không có

VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá

-	Cổ phần chào bán	:	**Công ty Cổ phần Trà Bắc**
-	Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
-	Số lượng cổ phần chào bán • *Theo phương thức đấu giá công khai theo lô*	: :	3.241.056 cổ phần *3.241.056 cổ phần*
-	Mệnh giá cổ phần Giá khởi điểm bán đấu giá	: :	10.000 đồng 15.600 đồng/cổ phiếu
-	Bước giá	:	Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
-	Bước khối lượng	:	Theo Quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
-	Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối thiểu	:	Theo Quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
-	Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối đa	:	Tổng số lượng cổ phần chào bán
-	Phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá	:	Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
-	Nộp tiền cọc	:	Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
-	Nộp Phiếu tham dự đấu giá	:	Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM
-	Tổ chức đấu giá	:	– Thời gian: Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM – Địa điểm: Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM – Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.HCM.
-	Nộp tiền mua cổ phần	:	Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK

			Tp.HCM
-	Thời gian hoàn tiền đặt cọc	:	Theo quy định tại Quy chế đấu giá của SGDCK Tp.HCM

2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Địa điểm công bố thông tin

Thông tin cụ thể liên quan đến Tổ chức phát hành gồm Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá và đợt đấu giá được công bố tại:

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương – Chi nhánh Sài Gòn**
  - Địa chỉ: Tầng M, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, TPHCM
  - Điện thoại: (84-8) 6290 6296 Fax: (84-8) 6290 6399
  - Tại website: www.ocs.com.vn
- **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
  - Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
  - Điện thoại: (84-4) 3824 0703 Fax: (84-4) 6278 0136
  - Tại website: www.scic.vn
- **Công ty CP Trà Bắc**

4. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá

Là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:

- **Nhà đầu tư trong nước**: là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- **Nhà đầu tư nước ngoài**: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư**: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

❖ Mỗi nhà đầu tư được phát một phiếu đấu giá và chỉ được ghi 01 mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá.

4.2. Điều kiện tham gia đấu giá

❖ Có Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đúng thời hạn quy định.

❖ Đặt cọc đủ giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban tổ chức đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá.

❖ Tuân thủ các quy định của Quy chế đấu giá

5. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

❖ **Đối với cá nhân trong nước:**

- Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

❖ **Đối với tổ chức trong nước:**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
- Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

❖ **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**

- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.
- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

6. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

6.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy

định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng mức đăng ký.

- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

6.2. Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định.

7. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.ocs.com.vn và www.scic.vn để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bầy và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp… cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai …. phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

Trà Vinh, ngày ... tháng ... năm 2016

CÔNG TY CP TRÀ BẮC	**CTCP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC	**CHI NHÁNH SÀI GÒN**
	P.TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Quang Khải	*Nguyễn Tiến Dũng*